TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
Về ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và Ông Đoàn Xuân Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Lê N . Sinh ngày 30/7/2002. Căn cước công dân số 040302005349. Địa chỉ: Xóm C, xã H, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Đình M. Sinh ngày 25/01/1997. Căn cước công dân số 042097012778. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Bà Phan Thị H. Sinh ngày 10/10/1973. Căn cước công dân số 042173013595. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Lê N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lê N và anh Mai Đình M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/04/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 01 năm. Từ cuối năm 2024 đến nay thường hay xảy ra mâu thuẫn và ngày càng gay gắt, đến

thời điểm hiện nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn. Nguyên nhân chính là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hòa hợp, giữa hai người không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân hơn một năm nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Bùi Minh Q, sinh ngày 22/12/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay con ở với chị và do chị nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Mai Đình M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Lê N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Bùi Thị Lê N có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án.

* *Đối với bị đơn anh Mai Đình M:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 1623/QLXNC- Đ1 ngày 18/11/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H thể hiện: "Anh Mai Đình M, sinh ngày 25/01/1997, đã xuất cảnh ngày 20/3/2025 qua cửa khẩu S bằng HC P0226313, không thấy thông tin nhập cảnh về nước". Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh Mai Đình M và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của anh M ở thôn C, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của ban đối ngoại (VOV5) cho anh Mai Đình M biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (10h00 ngày 27/11/2025, 10h00 ngày 28/11/2025, 10h00 ngày 29/11/2025) để anh M về giải quyết. Tuy nhiên, anh Mai Đình M không có mặt theo thông báo của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại biên bản làm việc ngày 14/11 và 26/11/2025, bà Phan Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Mai Đình M; anh Mai Đình M và chị Bùi Thị Lê N tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/4/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh M đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Bùi Minh Q, sinh ngày 22/12/2024. Hiện nay anh M đang lao động tại nước ngoài và chưa về nước. Tuy nhiên, cụ thể anh làm công việc gì, tại địa chỉ nào thì anh không thông báo cho bà biết. Mặc dù vậy, bà và anh M vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Facebook, zalo. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo lại cho anh M biết và anh M đã biết việc chị Bùi Thị Lê N đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Anh M có trình bày quan điểm về các yêu cầu của chị N với nội dung: Về hôn nhân đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Lê N; về con chung thống nhất giao con chung là cháu M1 Bùi Minh Q, sinh ngày 22/12/2024 cho mẹ là Bùi Thị Lê N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 207, Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Lê Na ly H1 anh Mai Đình M.

Về con chung: Giao con chung là cháu M1 Bùi Minh Q, sinh ngày 22/12/2024 cho chị Bùi Thị Lê N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh Mai Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Lê N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Lê N có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Mai Đình M. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Mai Đình M có nơi đăng ký thường trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Bùi Thị Lê N có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Lê N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mai Đình M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Lê N:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lê Na kết H2 với anh Mai Đình M trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 21/4/2023 tại UBND xã H, tỉnh Nghệ An, được thể hiện tại bản trích lục kết hôn số 113/TLKH-BS ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã H do chị N giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị Lê N và anh Mai Đình M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau một người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh M lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau được hơn hai năm mà lại sống ly thân hơn một năm; trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, anh M hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; chị N luôn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị N và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị N, anh M có một con chung là cháu Mai Bùi Minh Q, sinh ngày 22/12/2024. Hiện nay cháu Minh Q đang ở cùng với chị N, chị N yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh Mai Đình M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ; cháu M1 Bùi Minh Q hiện tại đang dưới 36 tháng tuổi, từ khi anh M đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay cháu đã ở ổn định với chị N, được chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên yêu cầu được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Mặt khác, anh M hiện nay đang ở nước ngoài, bà H (mẹ đẻ của anh M) không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của anh M tại nước ngoài nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và phù hợp với điều kiện của các bên. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét.

Anh Mai Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Lê N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Lê N phải chịu án phí sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 147, 207, 227, 228, 238, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lê N được ly hôn anh Mai Đình M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu M1 Bùi Minh Q, sinh ngày 22/12/2024 cho chị Bùi Thị Lê N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Mai Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Lê N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000560 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Lê N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Mai Đình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Hưng Chính;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Trọng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Chương Đoàn Xuân T **Nguyễn Huy T1**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Hưng Chính;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Trọng